TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 16/01/2019
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông La Minh Tường

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Thanh

Ông Trần Hưng Bính

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tú Loan- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Phúc- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2019 Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 12/2018/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc Xin ly hôn, tranh chấp con chung.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 132/2018/HNGĐ-ST ngày 04/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị ***Bùi Thị Thùy L,*** sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Ph, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Bị đơn: Anh ***Dương Nguyễn Phước T,*** sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Ph, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn- anh Dương Nguyễn Phước T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn - chị Bùi Thị Thùy L trình bày: Chị L và anh Dương Nguyễn Phước T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 24/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Sau khi kết hôn, vự chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, giữa chị với gia đình chồng có mâu thuẫn xảy ra. Từ tháng 6/2018 chị đã về nhà cha mẹ ruột để ở và sống ly thân với anh T. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể khắc phục để đoàn tụ nên chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị L xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Dương Nhã P, sinh ngày 11/02/2017. Do khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị bỏ về nhà cha mẹ ruột nhưng gia đình chồng ngăn cản không cho chị đem theo con. Tuy nhiên sau khi có dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì từ ngày 22/9/2018 anh T đã giao con cho chị nuôi. Nay ly hôn, chị L có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P và yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đồng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Bị đơn- anh Dương Nguyễn Phước T trình bày: Nguyên nhân dẫn đến chị L xin ly hôn anh không phải xuất phát từ mâu thuẫn giữa hai vợ chồng mà chủ yếu giữa chị L và mẹ anh T. Anh T cũng thừa nhận từ tháng 6/2018 cho đến nay chị L đã bỏ về nhà cha mẹ đẻ để sống. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân do gia đình hai bên không tìm được tiếng nói chung nên mâu thuẫn giữa hai vợ chồng anh cũng không thể khắc phục. Nay anh nhận thấy nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng phải ly hôn không phải xuất phát từ hai vợ chồng, anh vẫn còn thương yêu chị L nên anh không đồng ý ly hôn và mong muốn đoàn tụ vợ chồng.

Về con chung: Anh T thừa nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Dương Nhã P, sinh ngày 11/02/2017. Hiện nay cháu P đang ở với mẹ. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh cũng đồng ý giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng nhưng việc chị L yêu cầu anh phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng 1.000.000 đồng thì anh không đồng ý.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án số 132/2018/HNGĐ-ST ngày 04/10/2018, Tòa án nhân dân huyện P đã quyết định:

Căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 138 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2018/BPKCTT ngày 10/9/2018.

Chị Bùi Thị Thùy L được ly hôn với anh Dương Nguyễn Phước T.

Về con chung: Giao cháu Dương Nhã P, sinh ngày 11/02/2017 cho chị Bùi Thị Thùy L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh T phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi thành án, thỏa thuận thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 15/10/2018, anh T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác đơn xin ly hôn của chị L để vợ chồng được đoàn tụ, nếu ly hôn thì anh T không đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng và án phí tiền cấp dưỡng tiền nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến: Về kiểm sát tuân theo pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, không vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, lời trình bày của các bên đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét kháng cáo của anh T về quan hệ hôn nhân:

Chị L và anh T yêu nhau tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã Phú Hồ, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy đăng ký kết hôn ngày 24/12/2015 là hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến việc chị L xin ly hôn là do giữa hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên từ khoảng tháng 6 năm 2018 đến nay vợ chồng sống ly thân, qua xác minh có căn cứ xác định quạn hệ hôn nhân giữa chị L và anh T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh T là có căn cứ; đúng pháp luật.

[2.2]. Xét nội dung kháng cáo của anh T không đồng ý đóng góp phí tổn nuôi con: Anh cho rằng người nào nhận nuôi con thì phải chịu phí tổn nuôi con, anh không đồng ý đóng góp nuôi con. Yêu cầu của anh không được chị L đồng ý mà đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Hơn nữa theo quy định tại Khoản 2 Điều 82, Khoản 1 Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đã quy định " *Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*".

Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của chị L là chính đáng, phù hợp với pháp luật. Về số tiền cấp dưỡng so với tiền lương của anh T thu nhập một tháng 5.000.000 đồng là vừa phải.

[2.3]. Xét kháng cáo về nghĩa vụ chịu án phí cấp dưỡng định kỳ: Theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án; người có nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con phải chịu án phí, nên Tòa án sơ thẩm tuyên xử anh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng định kỳ là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3]. Từ những nhận xét trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T mà giữ nguyên bản án sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh đề nghị là có cơ sở.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Anh T, phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật Tố tụng Dân sự 2015; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82 và Điều 83, Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Cho Chị Bùi Thị Thùy L được ly hôn với anh Dương Nguyễn Phước T.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Nhã P, sinh ngày 11/02/2017 cho chị Bùi Thị Thùy L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến lúc cháu P đủ 18 tuổi.

Anh Dương Nguyễn Phước T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Bùi Thị Thùy L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 003906 ngày 27/6/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P.

- Anh Dương Nguyễn Phước T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

4. Về án phí phúc thẩm: Anh T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu số 003990 ngày 26/11/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P.

5. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 của Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

LA MINH TƯỜNG

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TTH;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã Phú H, huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP; Tòa Dân sự.